



CÔNG TY CỔ PHẦN PGT HOLDINGS
PGT HOLDINGS JOINT STOCK COMPANY
Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
Interim Separate Financial Statements

Cho giai đoạn ba tháng bắt đầu từ ngày 01/01/2026 và kết thúc ngày 31/03/2026
For the three months started from 01/01/2026 to 31/03/2026

MỤC LỤC
TABLE OF CONTENTS

NỘI DUNG CONTENTS	TRANG PAGES
Bảng báo cáo tình hình tài chính <i>Financial Statement</i>	01 – 05
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh <i>Income Statement</i>	06 – 06
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ <i>Cash Flow Statement</i>	07 – 07
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính <i>Notes to the Financial Statements</i>	08 – 31

CÔNG TY CỔ PHẦN PGT HOLDINGS/ PGT HOLDINGS JOINT STOCK COMPANY
BÁO CÁO TÀI CHÍNH/ FINANCIAL STATEMENTS

Cho giai đoạn ba tháng từ 01/01/2026 và kết thúc ngày 31/03/2026/ For the three months from 01/01/2026 to 31/03/2026

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH / FINANCIAL STATEMENT
Tại ngày 31 tháng 03 năm 2026/ At March 31st 2026

Đơn vị tính/ Unit: VND

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH / FINANCIAL STATEMENT	Mã số Code	Thuyết minh Notes	31/03/2026	01/01/2026
TÀI SẢN NGẮN HẠN /CURRENT ASSETS	100		20.872.459.221	18.550.959.397
Tiền và các khoản tương đương tiền /Cash and cash equivalents	110	5.1	667.837.732	1.567.266.170
Tiền/ Cash	111		667.837.732	1.567.266.170
Các khoản tương đương tiền/ Cash equivalents	112		-	-
Đầu tư tài chính ngắn hạn/ Short-term financial investment	120		-	-
Chứng khoán kinh doanh/ Trading securities	121		-	-
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh/ Provision for decline in the price of trading securities	122		-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn/ Investments held to maturity	123		-	-
Dự phòng đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn (*) / Provision for investment held to short-term maturity (*)	124		-	-
Đầu tư ngắn hạn khác/ Other short-term investments	125		-	-
Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư ngắn hạn khác (*)/Provision for losses of other short-term investments (*)	126		-	-
Các khoản phải thu ngắn hạn/ Current accounts receivable	130		15.729.465.911	12.552.423.268
Phải thu ngắn hạn của khách hàng /Short-term receivables from customers	131	5.3	41.021.384.237	38.631.751.814
Trả trước cho người bán ngắn hạn /Short-term advances to suppliers	132	5.4	3.611.387.040	3.576.104.843
Phải thu nội bộ ngắn hạn/ Short-term internal receivables	133		-	-
Phải thu theo tiến độ hợp đồng xây dựng/ Receivables according to the construction contract schedule	134		-	-
Phải thu ngắn hạn khác /Other receivables	135	5.5	12.139.002.782	11.386.874.759
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)/ Provisions for doubtful debts	136	5.7	(41.042.308.148)	(41.042.308.148)
Tài sản Thiếu chờ xử lý/ Missing Assets Pending	137		-	-
Hàng tồn kho /Inventories	140		1.072.947.532	525.506.791
Hàng tồn kho/Inventories	141	5.8	1.072.947.532	525.506.791
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)/Inventory Reduction Provision (*)	142		-	-
Tài sản sinh học ngắn hạn/ Short-Term Biological Assets	150		-	-
Súc vật nuôi lấy sản phẩm một lần ngắn hạn/ Pets take short-term one-off products	151		-	-
Cây trồng theo mùa vụ hoặc lấy sản phẩm một lần ngắn hạn/ Seasonal crops or short-term one-off products	152		-	-
Dự phòng tổn thất tài sản sinh học ngắn hạn (*)/Provision for short-term biological asset losses (*)	153		-	-
Tài sản ngắn hạn khác /Other current assets	160		3.402.208.046	3.905.763.169

CÔNG TY CỔ PHẦN PGT HOLDINGS/ PGT HOLDINGS JOINT STOCK COMPANY
BÁO CÁO TÀI CHÍNH/ FINANCIAL STATEMENTS

Cho giai đoạn ba tháng từ 01/01/2026 và kết thúc ngày 31/03/2026/ For the three months from 01/01/2026 to 31/03/2026

Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn /Short-term prepaid expenses	161		1.374.157.278	1.400.548.665
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ /VAT to be deducted	162		359.065.203	875.314.846
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước /Taxes and other accounts receivable from the State	163	5.11	1.668.985.565	1.629.899.658
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ/ Repurchase and sale of government bonds	164		-	-
Tài sản ngắn hạn khác/ Other Short-Term Assets	165		-	-
TÀI SẢN DÀI HẠN /NON-CURRENT ASSETS	200		55.391.133.714	55.408.554.431
Các khoản phải thu dài hạn /Long-term receivables	210		11.215.620.200	11.215.620.200
Phải thu dài hạn của khách hàng/ Long-term receivables of customers	211		-	-
Trả trước cho người bán dài hạn/ Pay for long-term sellers upfront	212		-	-
Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc/ Business capital in affiliated units	213		-	-
Phải thu nội bộ dài hạn/ Long-term internal receivables	214		-	-
Phải thu về cho vay dài hạn /Long-term inter-company receivable	215	5.6	11.215.620.200	11.215.620.200
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)/Provision for long-term bad debts (*)	216		-	-
Tài sản cố định/ Fixed assets	220		-	-
Tài sản cố định hữu hình/ Tangible fixed assets	221	5.9	-	-
Nguyên giá /Historical costs	222		33.772.727	33.772.727
Giá trị hao mòn lũy kế (*) /Accumulated depreciation	223		(33.772.727)	(33.772.727)
Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
Nguyên giá /Historical costs	225		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế (*) /Accumulated depreciation	226		-	-
Tài sản cố định vô hình /Intangible assets	227	5.10	-	-
Nguyên giá /Initial costs	228		43.000.000	43.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế (*) /Accumulated amortization	229		(43.000.000)	(43.000.000)
Tài sản sinh học dài hạn/ Long-Term Biological Assets	230		-	-
Súc vật nuôi cho sản phẩm định kỳ/ Pet Animals for Periodic Products	231		-	-
a) Súc vật nuôi cho sản phẩm định kỳ chưa đến giai đoạn trưởng thành/ a) Livestock for periodic products that have not reached the adult stage	232		-	-
b) Súc vật nuôi cho sản phẩm định kỳ chưa đến giai đoạn trưởng thành/ b) Livestock for periodic products that have not reached the adult stage	233		-	-
Nguyên giá /Historical costs	234		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế (*) /Accumulated depreciation	235		-	-
Súc vật nuôi lấy sản phẩm một lần dài hạn/ Pets take long-term one-time products	236		-	-
Cây trồng theo mùa vụ hoặc lấy sản phẩm một lần dài hạn/ Seasonal crops or long-term one-time crops	237		-	-
Dự phòng tổn thất sinh học dài hạn (*)/Long-term biological loss prophylaxis (*)	238		-	-
Bất động sản đầu tư/ Investment Properties	240		-	-
Nguyên giá /Historical costs	241		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế (*) /Accumulated depreciation	242		-	-
Tài sản dở dang dài hạn/ Long-term unfinished assets	250		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN PGT HOLDINGS/ PGT HOLDINGS JOINT STOCK COMPANY
BÁO CÁO TÀI CHÍNH/ FINANCIAL STATEMENTS

Cho giai đoạn ba tháng từ 01/01/2026 và kết thúc ngày 31/03/2026/ For the three months from 01/01/2026 to 31/03/2026

Chi phí sản xuất kinh doanh dài hạn/ Long-term production and business expenses	251		-	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang/ Unfinished capital construction costs	252		-	-
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn /Long-term investments	260	5.2	44.175.513.514	44.175.513.514
Đầu tư vào công ty con /Investments in subsidiaries	261		47.644.965.526	47.644.965.526
Đầu tư vào công ty liên. liên kết/ - Investing in associate companies	262		-	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác/ Investment in capital contribution to other units	263		-	-
Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác dài hạn (*) / Provisions for diminution in value of long-term investments	264		(3.469.452.012)	(3.469.452.012)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn/ Investments held to long-term maturity	265		-	-
Dự phòng đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn (*) Provision for investment held to long-term maturity (*)	266		-	-
Tài sản dài hạn khác / Other long-term assets	270		-	17.420.717
Chi phí chờ phân bổ dài hạn/ Long-term prepaid expenses	271		-	17.420.717
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại/ Deferred income tax assets	272		-	-
Thiết bị vật tư. phụ tùng thay thế dài hạn/ Equipment. supplies. spare parts for the long term	273		-	-
Tài sản dài hạn khác/ Other long-term assets	274		-	-
Lợi thế thương mại/ Good Advantage	279		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN /TOTAL ASSETS	280		76.263.592.935	73.959.513.829
NGUỒN VỐN /CAPITAL	Mã số Code	Thuyết minh Notes	31/03/2026	01/01/2026
NỢ PHẢI TRẢ LIABILITIES	300		27.718.177.698	25.466.365.561
Nợ ngắn hạn/ Short-term debt	310		27.718.177.698	25.466.365.562
Phải trả người bán ngắn hạn/ Short-term payable to suppliers	311	5.11	2.543.231.633	3.569.011.668
Người mua trả tiền trước ngắn hạn/ Short-term upfront buyers	312		1.764.758.635	3.000.000
Phải trả cổ tức. lợi nhuận/ Payable dividends and profits	313		-	-
Thuế và các khoản phải nộp nhà nước ngắn hạn/ Taxes and short-term state payables	314	5.12	406.084.950	241.173.529
Phải trả người lao động /Payables to employees	315		139.453.625	138.310.733
Chi phí phải trả ngắn hạn/ Short-term expenses	316		1.305.718	1.305.718
Phải trả nội bộ ngắn hạn/ Short-term internal payables	317		-	-
Phải trả theo tiến độ hợp đồng xây dựng ngắn hạn/ Payable according to the short-term construction contract schedule	318		-	-
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn/ Short-term unrealized revenue	319		-	-
Phải trả ngắn hạn khác /Other short-term payable	320	5.13	22.863.084.781	21.513.305.557
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn/ Short-term financial loans and leases	321		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN PGT HOLDINGS/ PGT HOLDINGS JOINT STOCK COMPANY
BÁO CÁO TÀI CHÍNH/ FINANCIAL STATEMENTS


Cho giai đoạn ba tháng từ 01/01/2026 và kết thúc ngày 31/03/2026/ For the three months from 01/01/2026 to 31/03/2026

Dự phòng phải trả ngắn hạn/ Short-term payable provisions	322		-	-
Quỹ khen thưởng phúc lợi/ Welfare Reward Fund	323		258.356	258.356
Quỹ bình ổn giá/ Price Stabilization Fund	324		-	-
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ/ Repurchase and sale of government bonds	325		-	-
Nợ dài hạn/ Long-term debt	330		-	-
Phải trả người bán dài hạn/ Payable to long-term sellers	331		-	-
Người mua trả tiền trước dài hạn/ Long-term upfront buyers	332		-	-
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước dài hạn / Taxes and long-term payables to the State	333		-	-
Chi phí phải trả dài hạn/ Long-term expenses	334		-	-
Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh/ Internal payables for business capital	335		-	-
Phải trả nội bộ dài hạn/ Long-term internal payables	336		-	-
Doanh thu chờ phân bổ dài hạn/ Revenue pending long-term attribution	337		-	-
Phải trả dài hạn khác/ Other long-term payables	338		-	-
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn/ Long-term financial loans and leases	339		-	-
Trái phiếu chuyển đổi/ Convertible bonds	340		-	-
Cổ phiếu ưu đãi/ Preferred stock	341		-	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả/ Deferred income tax payable	342		-	-
Dự phòng phải trả dài hạn/ Long-term payable provisions	343		-	-
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ/ Science and Technology Development Fund	344		-	-
NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU /OWNER'S EQUITY	400	5.14	48.545.415.237	48.493.148.267
Vốn đầu tư của chủ sở hữu / Capital	411		92.418.010.000	92.418.010.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết/ Shares with voting rights	411a		92.418.010.000	92.418.010.000
Cổ phiếu ưu đãi/ Preferred stock	411b		-	-
Thặng dư vốn cổ phần /Capital Surplus	412		1.840.919.261	1.840.919.261
Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu/ Bond Conversion Options	413		-	-
Vốn khác của chủ sở hữu/ Other Owner's Capital	414		-	-
Cổ phiếu mua lại của chính mình/ Own redemption shares	415		-	-
Chênh lệch đánh giá lại tài sản/ Exchange rate differences	416		-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái/ Exchange rate differences	417		-	-
Quỹ đầu tư phát triển /Investment and development fund	418		1.705.559.758	1.705.559.758
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu/ Other funds belonging to equity	419		-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối /Undistributed earnings	420		(47.419.073.782)	(47.471.340.752)
LNST chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước /Undistributed earnings/ Accumulated losses up to prior year-end	420a		(47.471.340.752)	(54.297.133.908)

CÔNG TY CỔ PHẦN PGT HOLDINGS/ PGT HOLDINGS JOINT STOCK COMPANY
BÁO CÁO TÀI CHÍNH/ FINANCIAL STATEMENTS

Cho giai đoạn ba tháng từ 01/01/2026 và kết thúc ngày 31/03/2026/ For the three months from 01/01/2026 to 31/03/2026

LNST chưa phân phối kỳ này/Net profit (loss) after tax this period	420b		52.266.970	6.825.793.156
Lợi ích cổ đông không kiểm soát/ Non-controlling shareholder interests	429		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN /TOTAL LIABILITIES AND OWNER'S EQUITY	440		76.263.592.935	73.959.513.829

 **Người lập biểu / Kế toán trưởng**
Preparer / Chief Accountant



Tổng Giám đốc
General Director



Nguyễn Thị Thanh Chi

Ngày 29 tháng 04 năm 2026 / April 29th 2026

Kakazu Shogo

CÔNG TY CỔ PHẦN PGT HOLDINGS/ PGT HOLDINGS JOINT STOCK COMPANY
BÁO CÁO TÀI CHÍNH/ FINANCIAL STATEMENTS
 Cho giai đoạn ba tháng từ 01/01/2026 và kết thúc ngày 31/03/2026/ For the three months from 01/01/2026 to 31/03/2026

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
INCOME STATEMENT
 Quý I Năm 2026 / 1st Quarter 2026

Đơn vị tính/ Unit: VND

CHỈ TIÊU /ITEMS	Mã số Code	01/01/2026- 31/03/2026	01/01/2025- 31/03/2025	01/01/2026- 31/12/2026	01/01/2025- 31/03/2025
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ /Revenue of goods and services	01	1.089.471.548	5.838.138.309	1.089.471.548	5.838.138.309
Các khoản giảm trừ doanh thu /Sale deductions	02	-	-	-	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ Net sales from provision of goods or services	10	1.089.471.548	5.838.138.309	1.089.471.548	5.838.138.309
Giá vốn hàng bán /Costs of goods sold	11	198.106.625	2.570.887.297	198.106.625	2.570.887.297
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ /Gross profit/loss	20	891.364.923	3.267.251.012	891.364.923	3.267.251.012
Doanh thu hoạt động tài chính/ Financial income	22	415.685.229	333.492.346	415.685.229	333.492.346
Chi phí tài chính /Financial expenses	23	3.150.471	634.530.355	3.150.471	634.530.355
<i>Trong đó: chi phí lãi vay /In which: Loan interest expenses</i>	24	-	-	-	-
Chi phí bán hàng/ Selling expenses	25	181.564.366	64.452.708	181.564.366	64.452.708
Chi phí quản lý doanh nghiệp /Administrative overheads	26	1.215.519.080	1.247.645.573	1.215.519.080	1.247.645.573
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh/ Net operating profit/(loss)	30	(93.183.765)	1.654.114.722	(93.183.765)	1.654.114.722
Thu nhập khác /Other income	31	152.560.735	325.400.000	152.560.735	325.400.000
Chi phí khác /Other expenses	32	7.110.000	-	7.110.000	-
Lợi nhuận khác /Other profit	40	145.450.735	325.400.000	145.450.735	325.400.000
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế /Total accounting profit/(loss) before tax	50	52.266.970	1.979.514.722	52.266.970	1.979.514.722
Chi phí thuế TNDN hiện hành/ Total accounting profit/(loss) before tax	51	-	-	-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp/ Profit/(loss) after tax	60	52.266.970	1.979.514.722	52.266.970	1.979.514.722

Người lập biểu / Kế toán trưởng
 Preparer / Chief Accountant



Nguyễn Thị Thanh Chi
 Ngày 29 tháng 04 năm 2026 / April 29th 2026

Kakazu Shogo

CÔNG TY CỔ PHẦN PGT HOLDINGS/ PGT HOLDINGS JOINT STOCK COMPANY
BÁO CÁO TÀI CHÍNH/ FINANCIAL STATEMENTS

Cho giai đoạn ba tháng từ 01/01/2026 và kết thúc ngày 31/03/2026/ For the three months from 01/01/2026 to 31/03/2026

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ/ CASH FLOW STATEMENT
Quý I Năm 2026/ 1st Quarter 2026

Đơn vị tính/ Unit: VND

CHỈ TIÊU ITEMS	Mã số Code	01/01/2026 - 31/03/2026	01/01/2025 - 31/12/2025
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CASH FLOWS FROM OPERATING ACTIVITIES			
Lợi nhuận trước thuế /Profit/ (loss) before tax	01	52.266.970	6.825.793.156
Các khoản dự phòng /Provisions	03	-	206.410.245
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động Operating profit/ (loss) before changes of working capital	08	52.266.970	4.163.484.778
Tăng, giảm các khoản phải thu /Increase/ (decrease) of accounts receivable	09	(2.699.878.908)	(2.436.695.340)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)/ Increase/ (decrease) of accounts payable	11	2.251.812.136	(3.721.267.053)
Tăng, giảm chi phí chờ phân bổ/Increase/ (decrease) of deferred expenses	12	43.812.104	(1.176.704.077)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh / Net cash flows from operating activities	20	899.428.439	(1.543.665.126)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ / CASH FLOWS FROM INVESTING ACTIVITIES			
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia/ Receipts of loan interests, dividends and profit shared	27	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư /Net cash flows from investing activities	30	-	-
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH /CASH FLOWS FROM FINANCING ACTIVITIES			
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được / Short-term and long-term loans received	33	-	-
Tiền chi trả nợ gốc vay/ Loan principal amounts repaid	34	-	-
Tiền chi trả nợ thuê tài chính/ Payments for financial leasehold assets	35	-	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu/ Dividends and profit already paid to the owners	36	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính /Dividends and profit already paid to the owners	40	-	-
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ /NET CASH FLOWS DURING THE YEAR	50	(899.428.439)	(778.457.938)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ /Beginning cash and cash equivalents	60	1.567.266.170	2.345.724.108
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi /Impact of foreign exchange rates fluctuations	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ / Ending cash and cash equivalents	70	667.837.732	1.567.266.170

Người lập biểu / Kế toán trưởng
Preparer / Chief Accountant

Tổng Giám đốc
General Director

Nguyễn Thị Thanh Chi
Ngày 29 tháng 04 năm 2026 / April 29th 2026

Kakazu Shogo

CÔNG TY CỔ PHẦN PGT HOLDINGS/ PGT HOLDINGS JOINT STOCK COMPANY
BÁO CÁO TÀI CHÍNH/ FINANCIAL STATEMENTS

Cho giai đoạn ba tháng từ 01/01/2026 và kết thúc ngày 31/03/2026/ *For the three months from 01/01/2026 to 31/03/2026*

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH / NOTES TO THE FINANCIAL STATEMENT
Quý I Năm 2026 / 1st Quarter 2026

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP/ CHARACTERISTIC OF CORPORATE OPERATIONS

1. Hình thức sở hữu vốn/ Form of Capital Ownership

Công ty Cổ phần PGT Holdings tiền thân là Công ty Cổ phần Taxi Gas Sài Gòn Petrolimex, được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0303527483 đăng ký lần đầu ngày 06 tháng 09 năm 2007 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 14 ngày 25 tháng 8 năm 2025 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại Lầu 12, Tòa Nhà Pax Sky, 144-146-148 Lê Lai, Phường Bến Thành, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.

PGT Holdings Joint Stock Company, formerly known as Saigon Petrolimex Gas Taxi Joint Stock Company, was established and operates under the Business Registration Certificate No. 0303527483, initially registered on September 6, 2007, and the 14th amended Business Registration Certificate issued on August 25, 2020, by the Ho Chi Minh City Department of Planning and Investment.

The company's headquarters is located on the 12th floor, Pax Sky Building, 144-146-148 Le Lai, Ben Thanh Ward, District 1, Ho Chi Minh City.

2. Lĩnh vực kinh doanh/ Business Field

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là thương mại, dịch vụ.

The company's business activities are in the fields of commerce and services.

3. Ngành nghề kinh doanh/ Business Sectors

Hoạt động chính của Công ty là:

- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất;
- Kinh doanh nhà, cho thuê văn phòng;
-

The Company's main activities include:

- *Real estate consultancy, brokerage, auction services, and land use rights auctions;*
- *Property trading and office leasing;*
- ...

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường/ Typical production and business cycle

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

The Company's typical production and business cycle is carried out within a period not exceeding 12 months.

5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp/ Characteristics of the business operations

Trong năm, Công ty không có thay đổi bất thường gì về đặc điểm hoạt động kinh doanh.

Throughout the year, the company has not experienced any significant changes in its business operations.

6. Cấu trúc doanh nghiệp/ Corporate structure

Danh sách Công ty con/ *List of subsidiaries:*

CÔNG TY CỔ PHẦN PGT HOLDINGS/ PGT HOLDINGS JOINT STOCK COMPANY
BÁO CÁO TÀI CHÍNH/ FINANCIAL STATEMENTS

Cho giai đoạn ba tháng từ 01/01/2026 và kết thúc ngày 31/03/2026/ For the three months from 01/01/2026 to 31/03/2026

Tên Công ty <i>Company Name</i>	Tỷ lệ sở hữu <i>Ownership Percentage</i>	Địa chỉ <i>Address</i>	Ngành nghề kinh doanh <i>Business Sector</i>
Công ty Cổ phần PGT Solutions (PGTS) <i>PGT Solutions Joints Stock Company (PGTS)</i>	66.02%	Lầu 12 Tòa Nhà Pax Sky, 144-146-148 Lê Lai, phường Bến Thành, Thành phố Hồ Chí Minh <i>12th Floor, Pax Sky Building, 144-146-148 Le Lai Street, Ben Thanh Ward, Ho Chi Minh City.</i>	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính. Hoạt động của đại lý và môi giới bảo hiểm. Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất. Hoạt động tư vấn quản lý... <i>Consulting on computer systems and computer system management. Activities of insurance agents and brokers. Real estate consultancy. Brokerage, auction services, and land use rights auctions. Management consulting activities...</i>
Công ty TNHH BMF MicroFinance (BMF) <i>BMF MicroFinance Limited Liability Company (BMF)</i>	100%	Số 192, Myanmar Plaza 9 Floor, Kabar Aye Pagoda Road, Bahan Township, Yangon, Myanmar <i>No. 192, Myanmar Plaza 9th Floor, Kabar Aye Pagoda Road, Bahan Township, Yangon, Myanmar.</i>	Hoạt động như một tổ chức tài chính vi mô nhận tiền gửi khắp Myanmar, cung cấp dịch vụ tài chính vi mô cho phân khúc thị trường thấp hơn và tham gia vào tất cả các hoạt động khác được cho phép hợp lý bởi Cơ quan giám sát tài chính vi mô. <i>Operating as a microfinance institution accepting deposits across Myanmar, providing microfinance services to the lower market segments, and engaging in all other activities reasonably permitted by the Microfinance Supervisory Authority.</i>

II. Ý KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN/ ACCOUNTING PERIOD CURRENCY USED IN ACCOUNTING

1. Kỳ kế toán / Accounting Period

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

The Company's fiscal year starts on January 1st and ends on December 31st of each year.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán/ Currency used in accounting

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

The currency used in accounting records is the Vietnamese Dong (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG/ ACCOUNTING STANDARDS AND ACCOUNTING REGIME APPLIED

1. Chế độ kế toán áp dụng/ Accounting Regime applied

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC (“Thông tư 99”) hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp do Bộ tài chính ban hành ngày 27/10/2025.

The company applies the Enterprise Accounting Regime issued under Circular No. 99/2025/TT-BTC (“Circular 99”), which provides accounting guidance for businesses issued by the Ministry of Finance on 27/10/2025.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán/ Statement of Compliance with Accounting Standards and Accounting Regime

CÔNG TY CỔ PHẦN PGT HOLDINGS/ PGT HOLDINGS JOINT STOCK COMPANY
BÁO CÁO TÀI CHÍNH/ FINANCIAL STATEMENTS

Cho giai đoạn ba tháng từ 01/01/2026 và kết thúc ngày 31/03/2026/ For the three months from 01/01/2026 to 31/03/2026

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

The company has applied the Vietnamese Accounting Standards and the relevant guiding documents issued by the State. The financial statements are prepared and presented in compliance with the provisions of each standard, the guiding circulars for implementation of the standards, and the applicable current accounting regime.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG/ APPLIED ACCOUNTING POLICIES

1. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán / Types of Foreign Exchange Rates Applied in Accounting

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính: Là tỷ giá công bố của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch theo nguyên tắc:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản: Là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì tỷ giá thực tế khi đánh giá lại là tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ.
- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: Là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.
- Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm.
- *Transactions conducted in foreign currencies are converted to Vietnamese Dong at the actual exchange rate on the transaction date.*
- *The actual exchange rate used to revalue foreign-currency-denominated monetary items at the financial statement preparation date is the exchange rate published by the commercial bank where the company regularly transacts, based on the following principles:*
- *For monetary items classified as assets, the actual exchange rate is the foreign currency purchase rate of the commercial bank where the company regularly transacts at the financial statement preparation date. For foreign currency deposits in banks, the actual exchange rate is the purchase rate of the bank where the company holds the foreign currency account.*
- *For monetary items classified as liabilities, the actual exchange rate is the foreign currency selling rate of the commercial bank at the financial statement preparation date.*
- *The exchange rate differences arising during the year and the exchange rate differences from revaluing monetary item balances at year-end are transferred to financial income or financial expenses for the year.*

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền / Recognition principles for cash and cash equivalents:

Các khoản tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

Cash includes cash on hand, bank deposits, and cash in transit.

Cash equivalents are short-term investments with a maturity of no more than 3 months which are easily convertible into cash and are subject to insignificant risks of changes in value from the date of purchase to the reporting date.

3. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu / Accounting Principles for Receivables

CÔNG TY CỔ PHẦN PGT HOLDINGS/ PGT HOLDINGS JOINT STOCK COMPANY
BÁO CÁO TÀI CHÍNH/ FINANCIAL STATEMENTS

Cho giai đoạn ba tháng từ 01/01/2026 và kết thúc ngày 31/03/2026/ For the three months from 01/01/2026 to 31/03/2026

Các khoản phải thu được trình bày trên các báo cáo tài chính theo giá trị sổ sách các khoản phải thu từ khách hàng và các khoản phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc năm tài chính. Tăng hoặc giảm số tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả kinh doanh.

Receivables are presented in the financial statements at the book value of receivables from customers and other receivables, after deducting the allowance for doubtful accounts.

The allowance for doubtful accounts reflects the portion of receivables that the company expects will not be recoverable as of the end of the financial year. Any increase or decrease in the allowance for doubtful accounts is recorded as an expense under administrative expenses in the income statement.

4. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho/ Inventory Recognition Principles

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Inventories are valued at cost. In cases where the net realizable value is lower than the cost, inventories must be valued at their net realizable value. The cost of inventory includes purchase costs, processing costs, and other directly related costs incurred to bring the inventory to its current location and condition.

The value of inventory is determined using the weighted average cost method.

Inventories are recorded using the periodic inventory method.

The provision for inventory obsolescence or impairment is made according to the current applicable accounting regulations.

5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định hữu hình và vô hình/ Recognition and Depreciation Principles for Tangible and Intangible Assets

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Tangible fixed assets and intangible assets are recognized at cost. During their usage, tangible fixed assets and intangible assets are recorded at their original cost, accumulated depreciation (for tangible assets) and their remaining value.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

Depreciation is calculated using the straight-line method. The estimated depreciation periods are as follows:

- Thiết bị văn phòng/ Office equipment	03 – 05 năm/ 3 to 5 years
- Phần mềm máy vi tính / Computer software	03 năm/ 3 years

6. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính / Accounting Principles for Financial Investments

a) Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn/ Held-to-maturity investments

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

CÔNG TY CỔ PHẦN PGT HOLDINGS/ PGT HOLDINGS JOINT STOCK COMPANY
BÁO CÁO TÀI CHÍNH/ FINANCIAL STATEMENTS

Cho giai đoạn ba tháng từ 01/01/2026 và kết thúc ngày 31/03/2026/ For the three months from 01/01/2026 to 31/03/2026

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. *Held-to-maturity investments include investments that the company intends and has the ability to hold until maturity. These investments include: term bank deposits (including promissory notes, bonds, preferred stocks that must be repurchased at a certain time in the future, and loans held to maturity with the purpose of earning periodic interest, as well as other held-to-maturity investments).*

Held-to-maturity investments are recognized starting from the purchase date and are initially measured at cost, which includes the purchase price and transaction costs related to the acquisition of the investment. Interest income from held-to-maturity investments after the purchase date is recognized in the income statement on an accrual basis. Interest earned before the company holds the investment is deducted from the cost at the time of purchase.

Held-to-maturity investments are measured at cost, less an allowance for doubtful accounts.

The allowance for held-to-maturity investments is established according to the current applicable accounting regulations.

b) Đầu tư vào công ty con; Công ty liên doanh, liên kết/ *Investments in subsidiaries, joint ventures, and associates*

Khoản đầu tư vào công ty con được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Investments in subsidiaries are accounted for using the cost method. The net profit distributed from the subsidiary after the investment date is recognized in the income statement. Other distributions (apart from net profit) are considered as a recovery of the investment and are recognized as a reduction in the original investment cost.

An associate is a company in which the Company has significant influence but is neither a subsidiary nor a joint venture. Significant influence is evidenced by the ability to participate in decisions regarding financial and operational policies of the investee, but without having control or joint control over these policies.

c) Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác/ *Investment in equity instruments of other entities*

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Investments in equity instruments of other entities reflect investments in equity securities where the company does not have control, joint control or significant influence over the investee.

The investment in equity instruments of other entities is recorded at cost, less any allowance for impairment in value.

7. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước/ Principles for Recognizing and Allocating Prepaid Expenses

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Prepaid expenses related solely to the current financial year's business activities are recognized as short-term prepaid expenses and charged to operating expenses within the same financial year.

The calculation and allocation of long-term prepaid expenses into operating expenses for each accounting period are based on the nature and extent of each expense type to select an appropriate allocation method

CÔNG TY CỔ PHẦN PGT HOLDINGS/ PGT HOLDINGS JOINT STOCK COMPANY

BÁO CÁO TÀI CHÍNH/ FINANCIAL STATEMENTS

Cho giai đoạn ba tháng từ 01/01/2026 và kết thúc ngày 31/03/2026/ For the three months from 01/01/2026 to 31/03/2026

and criteria. Prepaid expenses are gradually allocated to operating expenses using the straight-line method.

8. Nguyên tắc ghi nhận ghi nhận nợ phải trả /Principles for Recognizing Payables

Các khoản phải trả người bán, phải trả khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ dài hạn.

Payables to suppliers and other payables at the reporting date are classified as follows:

- Short-term liabilities: Payables with a settlement term of less than 1 year or within one operating cycle.
- Long-term liabilities: Payables with a settlement term of more than 1 year or beyond one operating cycle.

9. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả /Principles for Recognizing Accrued Expenses

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Accrued expenses are actual costs that have not yet been incurred but are pre-allocated to production and business expenses during the period. This ensures that when the costs are incurred, they do not cause significant fluctuations in production and business expenses, while maintaining the principle of matching revenue and expenses. When such expenses arise, if there is a discrepancy with the amount previously accrued, the accounting department will record an additional amount or reduce the expense corresponding to the difference.

10. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu/ Principles for Recognizing Owner's Equity

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Owners' equity is recognized based on the actual capital contributed by the owners.

Share premium is recorded as the positive difference between the actual issuance price and the par value of shares during the initial issuance, additional issuance, or reissuance of treasury shares.

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu / Principles and Methods for Recognizing Revenue

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;

CÔNG TY CỔ PHẦN PGT HOLDINGS/ PGT HOLDINGS JOINT STOCK COMPANY
BÁO CÁO TÀI CHÍNH/ FINANCIAL STATEMENTS

Cho giai đoạn ba tháng từ 01/01/2026 và kết thúc ngày 31/03/2026/ For the three months from 01/01/2026 to 31/03/2026

– Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

– Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

– Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

– Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;

– Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

– Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Sales Revenue

Sales revenue is recognized when the following conditions are met:

– *The majority of the risks and rewards associated with ownership of the product or goods have been transferred to the buyer.*

– *The company no longer retains control over the goods or has management rights over them like an owner.*

– *The revenue can be reliably measured.*

– *The company has either received or will receive economic benefits from the transaction.*

– *The costs associated with the sale transaction can be determined.*

Service Revenue

Revenue from providing services is recognized when the outcome of the transaction can be reliably measured. In cases where the service is provided over multiple periods, revenue is recognized in each period based on the proportion of work completed as of the reporting date. The outcome of providing the service is considered when the following conditions are met:

– *The revenue can be reliably measured.*

– *It is probable that economic benefits will be derived from the service transaction.*

– *The work completed by the reporting date can be determined.*

– *The costs incurred for the transaction and the costs to complete the service can be determined.*

– *The proportion of service completed is determined using a method to assess the work completed.*

Financial Revenue

Revenue from interest, royalties, dividends, profits received, and other financial activities is recognized when the following two conditions are met:

– *It is probable that economic benefits will be derived from the transaction.*

– *The revenue can be reliably measured.*

– *Dividends and profits are recognized when the company has the right to receive the dividends or profits from its investment.*

12. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán/ Principles for Accounting the Cost of Goods Sold

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán trong năm.

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở số lượng hàng tồn kho và phần chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho. Khi xác định khối lượng hàng tồn kho bị giảm giá cần phải trích lập dự phòng, kế toán phải loại trừ khối lượng hàng tồn kho đã ký được hợp đồng tiêu thụ (có giá trị thuần có thể thực hiện được không thấp hơn giá trị ghi sổ) nhưng chưa chuyển giao cho khách hàng nếu có bằng chứng chắc chắn về việc khách hàng sẽ không từ bỏ thực hiện hợp đồng.

The cost of goods sold reflects the value of the products, goods, and services sold during the year.

The provision for inventory devaluation is included in the cost of goods sold based on the quantity of inventory and the difference between the net realizable value and the cost of inventory. When determining the amount of inventory subject to devaluation, the accountant must exclude inventory that has been contracted for sale (with a net realizable value not lower than the book value) but has not yet been transferred to the customer, provided there is conclusive evidence that the customer will not forgo the contract.

CÔNG TY CỔ PHẦN PGT HOLDINGS/ PGT HOLDINGS JOINT STOCK COMPANY
BÁO CÁO TÀI CHÍNH/ FINANCIAL STATEMENTS

Cho giai đoạn ba tháng từ 01/01/2026 và kết thúc ngày 31/03/2026/ For the three months from 01/01/2026 to 31/03/2026

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính/ Principles and Methods for Recognizing Financial Expenses

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

The financial expenses recognized include:

- Costs or losses related to financial investment activities;
- Borrowing costs and interest on loans;
- Losses arising from exchange rate fluctuations on transactions related to foreign currencies;
- Provision for impairment of securities investments.

These expenses are recognized in full for the year and are not offset against financial revenue.

14. Nguyên tắc kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp / Principles for Accounting Administrative Expenses

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

Administrative expenses reflect the general management costs of the company, including salaries, wages, and allowances for management staff; social insurance, health insurance, trade union fees, and unemployment insurance for management employees; office materials, tools, and depreciation of fixed assets used for management purposes; rent, business license tax; provision for doubtful debts; outsourced services (electricity, water, telephone, fax, property insurance, fire insurance, etc.); and other miscellaneous expenses (client entertainment, customer meetings, etc.). These costs are recorded as they are incurred and allocated to the income statement in the corresponding period.

15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

15. Principles and methods for recognizing corporate income tax expenses.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành.

The current corporate income tax expense is determined based on taxable income and the corporate income tax rate for the current year.

16. Báo cáo bộ phận /Segment reporting

Báo cáo theo bộ phận bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh hoặc một bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Segment reporting includes business segment or geographical segment reporting.

A business segment is a distinguishable part of an enterprise that engages in the production or provision of individual products or services, or a group of related products or services. This segment bears risks and economic benefits different from those of other business segments.

CÔNG TY CỔ PHẦN PGT HOLDINGS/ PGT HOLDINGS JOINT STOCK COMPANY
BÁO CÁO TÀI CHÍNH/ FINANCIAL STATEMENTS

Cho giai đoạn ba tháng từ 01/01/2026 và kết thúc ngày 31/03/2026/ For the three months from 01/01/2026 to 31/03/2026

A geographical segment is a distinguishable part of an enterprise that engages in the production or provision of products or services within a specific economic environment, where it bears risks and economic benefits different from those of other business segments in different economic environments.

17. Công cụ tài chính/ Financial Instrument

Ghi nhận ban đầu / Initial Recognition

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu ngắn hạn, các khoản phải thu khác và các khoản đầu tư.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác và các khoản vay.

Financial Assets

At initial recognition, financial assets are recognized at cost, including directly attributable transaction costs related to the acquisition of those financial assets.

The Company's financial assets include cash, short-term deposits, short-term receivables, other receivables, and investments.

Financial Liabilities

At initial recognition, financial liabilities are recognized at cost, less directly attributable transaction costs related to the issuance of the financial liabilities.

The Company's financial liabilities include payables to suppliers, other payables, and loans.

Bù trừ các công cụ tài chính / Offsetting Financial Instruments

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

Financial assets and financial liabilities can only be offset and presented at their net value in the balance sheet when, and only when, the company:

- *Has a legal right to offset the recognized amounts; and*
- *Intends to settle them on a net basis or to realize the asset and settle the liability simultaneously.*

18. Bên liên quan/ Relating Parties

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

Parties are considered related if one party has the ability to control or significantly influence the other party in making decisions related to financial policies and operations.

19. Sử dụng các ước tính kế toán/ Using Accounting Estimates

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam. Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác có liên quan đến lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính.

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính của Công ty và được Ban Tổng Giám đốc đánh giá là hợp lý.

The preparation of financial statements complies with the Vietnamese Accounting Standards, the Vietnamese Enterprise Accounting System and other relevant regulations related to the preparation and presentation of financial statements. This requires the Board of Directors to make estimates and

CÔNG TY CỔ PHẦN PGT HOLDINGS/ PGT HOLDINGS JOINT STOCK COMPANY

BÁO CÁO TÀI CHÍNH/ FINANCIAL STATEMENTS

Cho giai đoạn ba tháng từ 01/01/2026 và kết thúc ngày 31/03/2026/ For the three months from 01/01/2026 to 31/03/2026

assumptions that affect the figures related to liabilities, assets and the presentation of contingent liabilities and assets at the end of the financial year, as well as the revenue and expense figures throughout the fiscal year. Although the accounting estimates are made with the full understanding of the Board of Directors, actual results may differ from these estimates.

The estimates and assumptions are regularly evaluated based on past experience and other factors, including future assumptions that significantly affect the company's financial statements and are considered reasonable by the Board of Directors.

IV. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN/ ADDITIONAL INFORMATION FOR ITEMS PRESENTED IN BALANCED SHEET

1. Tiền và các khoản tương đương tiền/ Cash and cash equivalent

	31/03/2026	01/01/2025
	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền <i>Cash and cash equivalent</i>	667.837.732	1.567.266.170
Cộng / Total	667.837.732	1.567.266.170

2. Đầu tư tài chính dài hạn /Long term financial investment

	Tỷ lệ <i>Rate</i>	31/03/2026		Tỷ lệ <i>Rate</i>	01/01/2025	
		Giá gốc <i>Historical Cost</i>	Dự phòng <i>Provision</i>		Giá gốc <i>Historical Cost</i>	Dự phòng <i>Provision</i>
		VND	VND		VND	VND
Đầu tư vào Công ty con <i>Invest in subsidiary</i>		47.644.965.526	(3.469.452.012)		47.644.965.526	(3.469.452.012)
Công ty Cổ phần PGT Solutions (*) <i>PGT Solution Joint Stock Company (*)</i>	66.02%	21.092.000.000	-	66.02%	21.092.000.000	-
Công ty TNHH BMF MicroFinance (BMF) (**) <i>BMF MicroFinance Limited Company (BMF) (**)</i>	100%	26.552.965.526	(3.469.452.012)	100%	26.552.965.526	(3.469.452.012)
Cộng/ Total		47.644.965.526	(3.469.452.012)		47.644.965.526	(3.469.452.012)

(*) Khoản đầu tư vào Công ty TNHH MTV Vĩnh Đại Phát theo Nghị quyết số 09/2016/QĐ-HĐQT-PGT ngày 18/06/2016, các Nghị quyết về việc tăng vốn số 23_A/2021/NQ-HĐQT-PGT ngày 29/12/2021 và số 24/2021/NQ-HĐQT-PGT ngày 31/12/2021. Công ty đầu tư với số tiền 31.95 tỷ đồng chiếm 100% vốn điều lệ của Công ty này. Ngày 14/12/2022, Công ty TNHH MTV Vĩnh Đại Phát chuyển đổi loại hình từ Công ty TNHH thành công ty Cổ Phần. Ngày 13/04/2023 công ty Cổ Phần Vĩnh Đại Phát đổi tên thành Công Ty Cổ Phần PGT Solutions.

CÔNG TY CỔ PHẦN PGT HOLDINGS/ PGT HOLDINGS JOINT STOCK COMPANY
BÁO CÁO TÀI CHÍNH/ FINANCIAL STATEMENTS

Cho giai đoạn ba tháng từ 01/01/2026 và kết thúc ngày 31/03/2026/ For the three months from 01/01/2026 to 31/03/2026

(*) The investment in Vĩnh Đại Phát Single Member Limited Liability Company (Vĩnh Đại Phát LLC) is based on Resolution No. 09/2016/QĐ-HĐQT-PGT dated June 18, 2016, as well as Resolutions regarding capital increases No. 23_A/2021/NQ-HĐQT-PGT dated December 29, 2021 and No. 24/2021/NQ-HĐQT-PGT dated December 31, 2021. The company invested 31.95 billion VND, acquiring 100% of the charter capital of this company. On December 14, 2022, Vĩnh Đại Phát LLC converted its legal form from a limited liability company to a joint-stock company. On April 13, 2023, Vĩnh Đại Phát Joint-Stock Company changed its name to PGT Solutions Joint-Stock Company.

(**) Khoản đầu tư vào Công ty TNHH BMF MicroFinance (BMF) theo Nghị quyết số 02/2017/NQ-ĐHĐCĐ-PGT ngày 31/10/2017, Nghị quyết số 15/2020/NQ-HĐQT-PGT ngày 18/06/2020 và Nghị quyết số 12/2021/NQ-HĐQT-PGT ngày 27/07/2021 về việc mua lại phần vốn tại BMF. Công ty đầu tư với số tiền 26.552.965.526 đồng chiếm 100% vốn điều lệ của Công ty này.

(**) The investment in BMF MicroFinance Limited Liability Company (BMF) is based on Resolution No. 02/2017/NQ-ĐHĐCĐ-PGT dated October 31, 2017, Resolution No. 15/2020/NQ-HĐQT-PGT dated June 18, 2020, and Resolution No. 12/2021/NQ-HĐQT-PGT dated July 27, 2021, regarding the purchase of shares in BMF. The company invested 26.552.965.526 VND, acquiring 100% of the charter capital of this company.

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng/ Short-term receivables from customers

	31/03/2026 VND	01/01/2026 VND
Công ty cổ phần Hiệp Đồng Tâm <i>Hiep Dong Tam Group JSC</i>	27.855.320.000	27.855.320.000
Doanh nghiệp tư nhân Gara sửa chữa ô tô Khánh Ngọc <i>Khanh Ngoc Auto Car Repair Garage Private Enterprise</i>	5.207.287.675	5.207.287.675
Công ty TNHH Hoàng Đạt <i>Hoang Dat Limited Company</i>	1.194.873.000	1.194.873.000
Công ty TNHH Xây dựng Sản xuất Thương mại Lê Hoàn <i>Lê Hoàn Construction Production Trading Limited Company</i>	561.919.900	561.919.900
Công ty Cổ phần Walife <i>Walife JSC</i>	995.599.755	55.251.840
Các khoản phải thu khách hàng khác <i>Other accounts receivable from customers</i>	5.206.383.907	3.757.099.399
Cộng /Total	41.021.384.237	38.631.751.814

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn/ Short-term advance payments to suppliers.

	31/03/2026 VND	01/01/2026 VND
Công ty TNHH Hoa Lâm Japan <i>Hoa Lam Japan Co., Ltd.</i>	535.920.000	535.920.000
Liên Đoàn Quần Vợt Tp.HCM <i>Ho Chi Minh City Tennis Federation.</i>	120.000.000	120.000.000
Các đối tượng khác <i>Other parties</i>	2.955.467.040	2.820.628.247
Cộng/ Total	3.611.387.040	3.576.104.843

CÔNG TY CỔ PHẦN PGT HOLDINGS/ PGT HOLDINGS JOINT STOCK COMPANY
BÁO CÁO TÀI CHÍNH/ FINANCIAL STATEMENTS

Cho giai đoạn ba tháng từ 01/01/2026 và kết thúc ngày 31/03/2026/ For the three months from 01/01/2026 to 31/03/2026

Dài hạn /Long-term	11.000.000.000	11.000.000.000
Công ty Cổ phần Việt Nam Manpower Supply (i)	11.000.000.000	11.000.000.000
<i>Vietnam Manpower Supply Joint Stock Company (i)</i>		
Cộng/ Total	16.974.000.000	16.974.000.000

(i) Khoản cho vay theo hợp đồng số 01/2023/HĐCV/PGT-MANPOWER ngày 18/12/2023. Mục đích cho vay: Công ty CP Việt Nam ManPower Supply sử dụng khoản vay để đầu tư vào công ty do Công ty ManPower tìm kiếm và phù hợp với lĩnh vực kinh doanh của Công ty CP PGT Holdings hoặc và đầu tư theo như mong muốn và yêu cầu của Công ty CP PGT Holdings. Lãi suất: Từ 18/12/2023 -17/12/2024: 3%/năm. Từ 18/12/2024 - 17/12/2025: 5%/ năm. Thời hạn cho vay: Từ 18/12/2023 - 17/12/2025. Phụ lục hợp đồng số 01/2025/HĐCV/PL/PGT-MANPOWER. lãi suất 5%. thời hạn vay từ 18/12/2025-17/12/2027.

(i) The loan under contract number 01/2023/HĐCV/PGT-MANPOWER dated December 18. 2023. Purpose of the loan: The Vietnam Manpower Supply Joint Stock Company uses the loan to invest in a company that ManPower finds and is suitable for the business sector of PGT Holdings or invests according to the desires and requirements of PGT Holdings. Interest rate: From December 18. 202. to December 17. 2024: 3% per year. From December 18. 2024 to December 17. 2025: 5% per year. Loan term: From December 18. 2023 to December 17. 2025. Contract Addendum No. 01/2025/HĐCV/PL/PGT-MANPOWER. interest rate 5%. loan term from December 18. 2025 to December 17. 2027.

5. Phải thu ngắn hạn khác /Other receivables

	31/03/2026 VND	01/01/2026 VND
Công Ty TNHH Vina Terrace Hotels (i)	5.974.000.000	5.974.000.000
<i>Vina Terrace Hotels LLC. (i)</i>		
Công ty cổ phần Hiệp Thành An (i)/Hiệp Thành An Co LTD (ii)	3.000.000.000	3.000.000.000
Lãi vay phải thu - Công ty cổ phần Việt Nam Manpower Supply (iii)/Interest receivable - Vietnam Manpower Supply Joint Stock Company (ii)	673.138.886	673.138.886
Công ty TNHH Vina Terrace Hotels (iv)/Vina Terrace Hotels Ltd (iv)	498.466.164	498.466.164
Công ty cổ phần PGT Japan (v)/PGT Japan Joint Stock Company (v)	104.374.750	104.374.750
Nguyễn Hoàng Giang/ Nguyen Hoang Giang	264.178.662	264.178.662
BMF Microfinance company limited/ BMF Microfinance company limited	117.340.000	117.340.000
Phải thu khác/Other Receivables	1.507.504.320	755.376.297
Cộng / Total	12.139.002.782	11.386.874.759

(i) Khoản cho vay theo hợp đồng số 01/2023/HĐCV/PGT-VINA ngày 08/03/2023. phụ lục hợp đồng số PL1.01/2023/HĐCV/ PGT-VINA ngày 20/06/2023. phụ lục hợp đồng số PL2.01/2023/HĐCV/PGT-VINA ngày 04/07/2023. PL3.01/2023/ HĐCV/PGT-VINA ngày 07/03/2024. PL4.01/2023/ HĐCV/PGT-VINA ngày 08/03/2025. Mục đích cho vay: Công ty TNHH Vina Terrace Hotels sử dụng khoản vay để thanh toán các khoản chi phí trong kinh doanh. Lãi suất: 3%/ năm. Thời hạn cho vay: 08/03/2025 - 07/03/2027.

(ii) Đây là khoản tiền đặt cọc theo thỏa thuận đặt cọc ngày 29/12/2015 để Công ty cổ phần Hiệp Thành An cung cấp dịch vụ tư vấn về chuyển nhượng dự án bất động sản.

(iii) Lãi vay phải trả cho Công ty CP Việt Nam Manpower Supply theo Hợp đồng số 01/2023/ HĐCV/PGT-MANPOWER ngày 18/12/2023 và phụ lục hợp đồng kèm theo.

(iv) Lãi vay phải trả cho Công ty Vina Terrace Hotels theo Hợp đồng cho vay tiền số 01/2023/ HĐCV/PGT-VINA ngày 08/03/2023 và Phụ lục hợp đồng kèm theo.

(v) Chi phí quản lý về khoản đầu tư ra nước ngoài theo Nghị quyết 13/2019/QĐ-HĐQT-PGT ngày 19/04/2019 về việc chấp thuận đầu tư ra nước ngoài theo hình thức mua lại toàn bộ cổ phần và điều hành tại Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN PGT HOLDINGS/ PGT HOLDINGS JOINT STOCK COMPANY
BÁO CÁO TÀI CHÍNH/ FINANCIAL STATEMENTS

Cho giai đoạn ba tháng từ 01/01/2026 và kết thúc ngày 31/03/2026/ For the three months from 01/01/2026 to 31/03/2026

- (i) Loan under contract No. 01/2023/HDCV/PGT-VINA dated 08/03/2023. Contract Appendix No. PL1.01/2023/HDCV/PGT-VINA dated 20/06/2023. Contract Appendix No. PL2.01/2023/HDCV/PGT-VINA dated 04/07/2023. PL3.01/2023/ HDCV/PGT-VINA dated 07/03/2024. PL4.01/2023/ HDCV/PGT-VINA dated 08/03/2025. Loan purpose: Vina Terrace Hotels Co., Ltd. uses the loan to pay for business expenses. Interest rate: 3%/year. Loan term: 08/03/2025 - 07/03/2027.
- (ii) This is the deposit according to the deposit agreement dated 29/12/2015 for Hiep Thanh An Joint Stock Company to provide consulting services on the transfer of real estate projects.
- (iii) Loan interest payable to Vietnam Manpower Supply Joint Stock Company under Contract No. 01/2023/HDCV/PGT-MANPOWER dated 18/12/2023 and attached contract appendices.
- (iv) Loan interest payable to Vina Terrace Hotels Company under the Loan Agreement No. 01/2023/HDCV/PGT-VINA dated 08/03/2023 and the attached Contract Appendix.
- (v) Management expenses for the outward investment according to Resolution 13/2019/QĐ-HĐQT-PGT dated 19/04/2019 on the approval of outward investment in the form of acquisition of all shares and operation at the Company.

6. Phải thu về cho vay dài hạn /Long-term inter-company receivable

Công ty Cổ phần Việt Nam Manpower Supply (i)	11.000.000.000	11.000.000.000
Vietnam Manpower Supply Joint Stock Company (i)		
Ký quỹ, ký cược dài hạn (ii)/Long-term Deposit (ii)	215.620.200	215.620.200
Cộng / Total	11.215.620.200	11.215.620.200

(i) Khoản cho vay theo hợp đồng số 01/2023/HDCV/PGT-MANPOWER ngày 18/12/2023. Mục đích cho vay: Công ty CP Việt Nam ManPower Supply sử dụng khoản vay để đầu tư vào công ty do Công ty ManPower tìm kiếm và phù hợp với lĩnh vực kinh doanh của Công ty CP PGT Holdings hoặc và đầu tư theo như mong muốn và yêu cầu của Công ty CP PGT Holdings. Lãi suất: Từ 18/12/2023 -17/12/2024: 3%/năm. Từ 18/12/2024 - 17/12/2025: 5%/ năm. Thời hạn cho vay: Từ 18/12/2023 - 17/12/2025. Phụ lục hợp đồng số 01/2025/HDCV/PL/PGT-MANPOWER, lãi suất 5%, thời hạn vay từ 18/12/2025-17/12/2027.

(i) The loan under contract number 01/2023/HDCV/PGT-MANPOWER dated December 18, 2023. Purpose of the loan: The Vietnam Manpower Supply Joint Stock Company uses the loan to invest in a company that ManPower finds and is suitable for the business sector of PGT Holdings or invests according to the desires and requirements of PGT Holdings. Interest rate: From December 18, 2023 to December 17, 2024: 3% per year. From December 18, 2024 to December 17, 2025: 5% per year. Loan term: From December 18, 2023 to December 17, 2025. Contract Addendum No. 01/2025/HDCV/PL/PGT-MANPOWER, interest rate 5%, loan term from December 18, 2025 to December 17, 2027.

(i) Đây là khoản tiền đặt cọc thuê văn phòng tại Lầu 12 Tòa nhà Pax Sky, 144-146-148 Lê Lai, Phường Bến Thành, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh theo hợp đồng cho thuê số 03/2018/HDTVP/P11/HBH-HOLDINGS ngày 03/02/2018 và các phụ lục hợp đồng đã ký kết. Thời gian thuê từ ngày 03/02/2018 đến hết ngày 02/02/2026.

(i) This is a deposit for renting an office on the 12th Floor of Pax Sky Building, 144-146-148 Le Lai, Ben Thanh Ward, District 1, Ho Chi Minh City under the lease contract No. 03/2018/HDTVP/P11/HBH-HOLDINGS dated 03/02/2018 and the signed contract appendices. The rental period is from 03/02/2018 to the end of 02/02/2026.

7. Dự phòng nợ phải thu khó đòi / Provision for bad debts

	31/03/2026		01/01/2026	
	Giá gốc Historial Cost VND	Dự phòng Provision VND	Giá gốc Historical Cost VND	Dự phòng Provision VND
Công ty CP Hiệp Thành An Hiep Thanh An Joint Stock Company	3.000.000.000	(3.000.000.000)	3.000.000.000	(3.000.000.000)
Nguyễn Hoàng Giang	264.178.662	(264.178.662)	264.178.662	(264.178.662)

CÔNG TY CỔ PHẦN PGT HOLDINGS/ PGT HOLDINGS JOINT STOCK COMPANY
BÁO CÁO TÀI CHÍNH/ FINANCIAL STATEMENTS

Cho giai đoạn ba tháng từ 01/01/2026 và kết thúc ngày 31/03/2026/ For the three months from 01/01/2026 to 31/03/2026

Nguyễn Hoàng Giang Công ty CP Tập đoàn Hiệp Đồng Tâm <i>Hiep Dong Tam Joint Stock Company</i>	27.855.320.000	(27.855.320.000)	27.855.320.000	(27.855.320.000)
Doanh nghiệp tư nhân Gara sửa chữa ô tô Khánh Ngọc <i>Khanh Ngoc Auto Car Repair Garage Private Enterprise</i>	5.207.287.675	(5.207.287.675)	5.207.287.675	(5.207.287.675)
Công ty TNHH Hoàng Đạt <i>Hoang Dat Limited Liability Company.</i>	1.194.873.000	(1.194.873.000)	1.194.873.000	(1.194.873.000)
Công ty TNHH Xây dựng Sân xuất Thương mại Lê Hoàn <i>Le Hoan construction - product - trading Company Limited.</i>	561.919.900	(561.919.900)	561.919.900	(561.919.900)
Công ty CP Tân Tân <i>Tan Tan Joint Stock Company</i>	297.747.182	(297.747.182)	297.747.182	(297.747.182)
Công ty CP kết cấu thép Thành Long Vineco <i>Thanh Long Vineco Steel Structure Joint Stock Company</i>	208.963.377	(208.963.377)	208.963.377	(208.963.377)
Nguyễn Văn Thủy/ <i>Nguyen Van Thuy</i>	137.870.393	(137.870.393)	137.870.393	(137.870.393)
Công ty CP Xây lắp và Thi công Cơ giới Tây Đô <i>Tay Do Construction and Mechanical Engineering Joint Stock Company</i>	130.200.000	(130.200.000)	130.200.000	(130.200.000)
Công ty TNHH Hoa Lâm Japan <i>Hoa Lam Japan Co Ltd..</i>	535.920.000	(535.920.000)	535.920.000	(535.920.000)
Công Ty TNHH Tư Vấn Toàn Long <i>Van Toan Long Consulting Co Ltd..</i>	190.000.000	(133.000.000)	190.000.000	(133.000.000)
Các đối tượng khác / <i>Other parties</i>	1.275.933.959	(1.515.027.959)	1.275.933.959	(1.515.027.959)
Cộng/ Total	41.099.308.148	(41.042.308.148)	41.099.308.148	(41.042.308.148)

8. Hàng tồn kho/ Inventory

	31/03/2026		Đơn vị tính: VND /Unit: VND 01/01/2025	
	Giá gốc Historial Cost	Dự phòng Provision	Giá gốc Historial Cost	Dự phòng Provision
Hàng hóa / <i>Goods</i>	1.072.947.532	-	525.506.791	-
Cộng / Total	1.072.947.532	-	525.506.791	-

CÔNG TY CỔ PHẦN PGT HOLDINGS/ PGT HOLDINGS JOINT STOCK COMPANY
BÁO CÁO TÀI CHÍNH/ FINANCIAL STATEMENTS

Cho giai đoạn ba tháng từ 01/01/2026 và kết thúc ngày 31/03/2026/ For the three months from 01/01/2026 to 31/03/2026

9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình/ Increase or decrease in tangible fixed assets

Đơn vị tính: VND/ Unit: VND

	Thiết bị dụng cụ quản lý /Management equipment
Nguyên giá /Original price	
Số dư đầu năm /Beginning balance	33.772.727
Số tăng trong kỳ/ Increase in period	-
Số giảm trong kỳ/ Decrease in period	-
Số dư cuối kỳ / Closing balance	33.772.727
Giá trị hao mòn lũy kế /Accumulated depreciation	
Số dư đầu năm /Beginning balance	33.772.727
Khấu hao tăng trong kỳ /Depreciation increased during the period	-
Số giảm trong kỳ /Decrease in period	-
Số dư cuối kỳ /Closing balance	33.772.727
Giá trị còn lại/ Remaining value	
Tại ngày đầu năm /On the first day of the year	-
Tại ngày cuối kỳ /At the end of the period	-

10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình/ Increase or decrease of intangible fixed assets

Đơn vị tính: VND/ Unit: VND

	Phần mềm vi tính/ Computer software
Nguyên giá /Original price	
Số dư đầu năm /Beginning balance	43.000.000
Số tăng trong kỳ /Increase in period	-
Số giảm trong kỳ /Decrease in period	-
Số dư cuối kỳ /Closing balance	43.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế /Accumulated depreciation	
Số dư đầu năm /Beginning balance	43.000.000
Khấu hao tăng trong kỳ / Depreciation increased during the period	-
Số giảm trong kỳ / Decrease in period	-
Số dư cuối kỳ /Closing balance	43.000.000
Giá trị còn lại /Remaining value	
Tại ngày đầu năm /On the first day of the year	-
Tại ngày cuối kỳ /At the end of the period	-

11. Phải trả người bán ngắn hạn/ Short-term payables to suppliers

	31/03/2026	01/01/2026
	VND	VND
Công Ty Cổ Phần Nhà Hòa Bình /Hoa Binh House Joint Stock Company	1.077.003	1.565.832
Công ty Cổ phần PGT Solutions /PGT Solutions Joint Stock Company	1679799348	2.189.613.456
Hayabusa Holding Inc /Hayabusa Holding Inc	443.139.000	443.139.000
Phải trả người bán khác /Payable to other suppliers	419.216.282	934.693.380
Cộng /Total	2.543.231.633	3.569.011.668

CÔNG TY CỔ PHẦN PGT HOLDINGS/ PGT HOLDINGS JOINT STOCK COMPANY
BÁO CÁO TÀI CHÍNH/ FINANCIAL STATEMENTS

Cho giai đoạn ba tháng từ 01/01/2026 và kết thúc ngày 31/03/2026/ For the three months from 01/01/2026 to 31/03/2026

12. Thuế và các khoản phải nộp/phải thu Nhà nước/ Taxes and amounts payable/receivable to the State

Đơn vị tính: VND / Unit: VND

	01/01/2026	Số phải nộp Amount payable	Số đã thực nộp Amount actually paid	31/03/2026
a) Phải nộp/ payable	209.934.082	1.722.705.302	1.731.362.875	241.173.529
Thuế thu nhập cá nhân/ PIT	209.934.082	268.809.533	268.789.449	209.913.998
Các loại thuế khác /Other tax	-	226.333.254	194.546.282	31.786.972
b) Phải thu / Receivables	1.188.711.033	724.048.136	1.037.444.323	2.505.214.504
Thuế GTGT/ VAT	1.188.711.033	724.048.136	1.037.444.323	875.314.846
Thuế thu nhập doanh nghiệp/CIT	1.629.899.658		-	1.629.899.658

13. Phải trả ngắn hạn khác/ Other short-term payables

	31/03/2026 VND	01/01/2025 VND
Kinh phí công đoàn Union dues	42.917.404	38.789.527
Cổ tức phải trả cho các cổ đông Dividends payable to shareholders	633.295.050	633.295.050
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn Short-term margin, margin	25.829.700	25.829.700
Khoản đầu tư All Corporation theo Hợp đồng hợp tác đầu tư All Corporation Investment under Investment Cooperation Contract	13.926.333.093	13.926.333.093
Phải trả BMF Microfinance Company Limited Payable to BMF Microfinance Company Limited	4.587.228.708	4.834.338.708
Trường Cao đẳng Văn Lang Sài Gòn Van Lang Sai Gon College	-	124.380.000
Trường Cao Đẳng Bách Khoa Sài Gòn Bach Khoa Sai Gon College	-	257.400.000
Phải trả khác Other payables	3.647.480.826	1.711.729.007
Cộng /Total	22.863.084.781	21.513.305.558

CÔNG TY CỔ PHẦN PGT HOLDINGS / PGT HOLDINGS JOINT STOCK COMPANY
BÁO CÁO TÀI CHÍNH/ FINANCIAL STATEMENTS

Cho giai đoạn ba tháng từ 01/01/2026 và kết thúc ngày 31/03/2026 /For the three months from 01/01/2026 to 31/03/2026

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo) / NOTES OF FINANCIAL STATEMENT (Continue)

14. Vốn chủ sở hữu/ Equity

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu /Equity fluctuation comparison table

	Vốn góp của chủ sở hữu Owner's Equity	Thặng dư vốn cổ phần Capital surplus	Cổ phiếu quỹ Treasury stock	Quỹ đầu tư phát triển Development investment fund	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối Undistributed profit after tax	Tổng cộng Total
Số dư đầu 01/01/2025 Opening balance 01/01/2025	92.418.010.000	1.840.919.261	-	1.705.559.758	(54.297.133.908)	39.101.804.964
Lãi năm trước / Last year's profit	-	-	-	-	6.825.793.156	6.825.793.156
Bán cổ phiếu quỹ/Selling treasury stock	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối 31/03/2026 Closing balance 31/03/2026	92.418.010.000	1.840.919.261	-	1.705.559.758	(47.471.340.752)	48.493.148.267
Số dư đầu kỳ 01/01/2026 Opening balance 01/01/2026	92.418.010.000	1.840.919.261	-	1.705.559.758	(47.471.340.752)	48.493.148.267
Bán cổ phiếu quỹ / Selling treasury stock	-	-	-	-	-	-
Lãi/Lỗ trong kỳ / Profit/Loss for the period	-	-	-	-	52.266.970	52.266.970
Số dư cuối 31/03/2026/ Closing balance 31/03/2026	92.418.010.000	1.840.919.261	-	1.705.559.758	(47.419.073.782)	48.545.415.237

b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu/ Details of owner's capital contribution

	31/03/2026 VND	Tỷ lệ %	01/01/2026 VND	Tỷ lệ %
Vốn góp của các cổ đông /Shareholders' equity	92.418.010.000	100	92.418.010.000	100
Cộng / Total	92.418.010.000	100	92.418.010.000	100

CÔNG TY CỔ PHẦN PGT HOLDINGS/ PGT HOLDINGS JOINT STOCK COMPANY

BÁO CÁO TÀI CHÍNH/ FINANCIAL STATEMENTS

Cho giai đoạn ba tháng từ 01/01/2026 và kết thúc ngày 31/03/2026/ For the three months from 01/01/2026 to 31/03/2026

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

Capital transactions with owners

	31/03/2026	01/01/2026
	VND	VND
Vốn góp của chủ sở hữu		
<i>Owner's equity</i>		
Vốn góp đầu năm	92.418.010.000	92.418.010.000
<i>Beginning capital contribution</i>		
Vốn góp tăng trong năm	-	-
<i>Capital increase during the year</i>		
Vốn góp giảm trong năm	-	-
<i>Capital contribution decreased during the year</i>		
Vốn góp cuối năm	92.418.010.000	92.418.010.000
<i>End of year capital contribution</i>		

d) Cổ phiếu

Stocks

	31/03/2026	01/01/2025
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	9.241.801	9.241.801
<i>Number of shares registered for issuance</i>		
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	9.241.801	9.241.801
<i>Number of shares sold to the public</i>		
- Cổ phiếu phổ thông	9.241.801	9.241.801
- <i>Common stock</i>		
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- <i>Preferred stock</i>		
Số lượng cổ phiếu mua lại		
<i>Number of shares repurchased</i>		
- Cổ phiếu phổ thông		
- <i>Common stock</i>		
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- <i>Preferred stock</i>		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	9.241.801	9.241.801
<i>Number of shares outstanding</i>		
- Cổ phiếu phổ thông	9.241.801	9.241.801
- <i>Common stock</i>		
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- <i>Preferred stock</i>		

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng (mười nghìn đồng)

Par value of outstanding shares: 10.000 VND (ten thousand dong)

CÔNG TY CỔ PHẦN PGT HOLDINGS/ PGT HOLDINGS JOINT STOCK COMPANY
BÁO CÁO TÀI CHÍNH/ FINANCIAL STATEMENTS

Cho giai đoạn ba tháng từ 01/01/2026 và kết thúc ngày 31/03/2026/ For the three months from 01/01/2026 to 31/03/2026

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH / ADDITIONAL INFORMATION FOR ITEMS PRESENTED IN THE INCOME STATEMENT

1. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ / Net revenue from sales and services

	01/01/2026 - 31/03/2026 VND	01/01/2025 - 31/03/2025 VND
Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ <i>Net revenue from providing services</i>	1.089.471.548	5.838.138.309
Cộng	1.089.471.548	5.838.138.309
Total		

2. Giá vốn hàng bán

Cost of goods sold

	01/01/2026 - 31/03/2026 VND	01/01/2025 - 31/03/2025 VND
Giá vốn cung cấp dịch vụ <i>Cost of service</i>	198.106.625	2.570.887.297
Cộng	198.106.625	2.570.887.297
Total		

3. Doanh thu hoạt động tài chính

Financial revenue

	01/01/2026 - 31/03/2026 VND	01/01/2025 - 31/03/2025 VND
Doanh thu tài chính <i>Revenue from Financcail</i>	415.685.229	333.492.346
Cộng	415.685.229	333.492.346
Total		

4. Chi phí tài chính

Financial costs

	01/01/2026 - 31/03/2026 VND	01/01/2025 - 31/03/2025 VND
Chi phí tài chính <i>Financial costs</i>	3.150.471	634.530.355
Cộng	3.150.471	634.530.355
Total		

CÔNG TY CỔ PHẦN PGT HOLDINGS/ PGT HOLDINGS JOINT STOCK COMPANY
BÁO CÁO TÀI CHÍNH/ FINANCIAL STATEMENTS

Cho giai đoạn ba tháng từ 01/01/2026 và kết thúc ngày 31/03/2026/ For the three months from 01/01/2026 to 31/03/2026

5. Chi phí bán hàng

Selling costs

	01/01/2026 - 31/03/2026 VND	01/01/2025 - 31/03/2025 VND
Chi phí bán hàng		
<i>Selling expenses</i>	181.564.366	64.452.708
Cộng		
<i>Total</i>	181.564.366	64.452.708

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Business management costs

	01/01/2026 - 31/03/2026 VND	01/01/2025 - 31/03/2025 VND
Chi phí quản lý doanh nghiệp		
<i>Management costs</i>	1.215.519.080	1.247.645.573
Cộng		
<i>Total</i>	1.215.519.080	1.247.645.573

7. Thu nhập khác

Other income

	01/01/2026 - 31/03/2026 VND	01/01/2025 - 31/03/2025 VND
Thu nhập khác		
<i>Other income</i>	152.560.735	325.400.000
Cộng		
<i>Total</i>	152.560.735	325.400.000

8. Chi phí khác

Other costs

	01/01/2026 - 31/03/2026 VND	01/01/2025 - 31/03/2025 VND
Chi phí khác		
<i>Other costs</i>	7.110.000	62.781.550
Cộng		
<i>Total</i>	7.110.000	62.781.550

CÔNG TY CỔ PHẦN PGT HOLDINGS/ PGT HOLDINGS JOINT STOCK COMPANY
BÁO CÁO TÀI CHÍNH/ FINANCIAL STATEMENTS

Cho giai đoạn ba tháng từ 01/01/2026 và kết thúc ngày 31/03/2026/ For the three months from 01/01/2026 to 31/03/2026

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Current corporate income tax expense

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được xác định với thuế suất là 20% trên thu nhập tính thuế.

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

Corporate income tax payable is determined at a rate of 20% on taxable income.

The Company's tax settlement will be subject to examination by the tax authorities. Since the application of tax laws and regulations to various types of transactions can be interpreted in different ways, the tax amount presented in the Financial Statements may be changed according to the decision of the tax authorities.

Ước tính mức thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của doanh nghiệp được trình bày dưới đây:

The estimated current corporate income tax rate of the enterprise is presented below:

	01/01/2026 - 31/03/2026 VND	01/01/2025 - 31/03/2025 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế <i>Total accounting profit before tax</i>	52.266.970	1.916.733.172
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp <i>Adjustments to increase or decrease accounting profit to determine profit subject to corporate income tax</i>	-	-
- Các khoản điều chỉnh tăng <i>- Increase adjustments</i>	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm <i>- Adjustments for reduction</i>	-	-
Chuyển lỗ <i>Loss transfer</i>	(52.266.970)	(1.916.733.172)
Tổng lợi nhuận tính thuế <i>Total taxable profit</i>	-	-
Thuế suất <i>Tax rate</i>	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành <i>Current corporate income tax expense</i>	-	-

Công ty không thực hiện ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại đối với các khoản lỗ tính thuế trong năm do không chắc chắn về lợi nhuận tính thuế trong tương lai để thu hồi tài sản thuế thu nhập hoãn lại nếu được ghi nhận.

CÔNG TY CỔ PHẦN PGT HOLDINGS/ PGT HOLDINGS JOINT STOCK COMPANY
BÁO CÁO TÀI CHÍNH/ FINANCIAL STATEMENTS

Cho giai đoạn ba tháng từ 01/01/2026 và kết thúc ngày 31/03/2026/ For the three months from 01/01/2026 to 31/03/2026

The Company does not recognize deferred income tax assets for tax losses during the year due to the uncertainty of future taxable profits to recover the deferred income tax assets if recognized.

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

ADDITIONAL INFORMATION FOR ITEMS PRESENTED IN THE CASH FLOW STATEMENT

Trong năm, Công ty không phát sinh các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

During the year, the Company did not incur any non-cash transactions affecting the Cash Flow Statement.

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC
OTHER INFORMATION

1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Events occurring after the balance sheet date

Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

The General Director of the Company confirms that there have been no material events occurring after the balance sheet date that require adjustments to or disclosure in the financial statements.

2. Báo cáo bộ phận

Department report

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Segment reporting by geographic area

Công ty hiện nay chủ yếu hoạt động tại Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

Công ty hiện nay chủ yếu hoạt động tại Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

The Company currently operates mainly in Ho Chi Minh City, Vietnam. Therefore, the Company does not present segment reports based on geographical areas.

The Company currently operates mainly in Ho Chi Minh City, Vietnam. Therefore, the Company does not present segment reports based on geographical areas.

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Segment reporting by business area

Trong năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2026, hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là hoạt động tư vấn. Công ty không tiến hành lập báo cáo tài chính bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

In the fiscal year ending March 31st 2026, the Company's main business activity is consulting activities. The Company does not prepare segmental financial statements by business sector.

3. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

Fair value of financial assets and liabilities

Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do thông tư 210/2009/TT-BTC do Bộ tài chính ban hành ngày 06/11/2009 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 cũng yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

The Company has not determined the fair value of its financial assets and financial liabilities at the end of the accounting period because Circular 210/2009/TT-BTC issued by the Ministry of Finance on November 6, 2009 as well as current regulations do not provide specific guidance on determining the fair value of financial assets and financial liabilities. Circular 210 also requires the application of International Financial Reporting

CÔNG TY CỔ PHẦN PGT HOLDINGS/ PGT HOLDINGS JOINT STOCK COMPANY
BÁO CÁO TÀI CHÍNH/ FINANCIAL STATEMENTS

Cho giai đoạn ba tháng từ 01/01/2026 và kết thúc ngày 31/03/2026/ For the three months from 01/01/2026 to 31/03/2026

Standards on the presentation of financial statements and disclosure of information for financial instruments but does not provide equivalent guidance for the assessment and recognition of financial instruments including the application of fair value to comply with International Financial Reporting Standards.

4. Rủi ro tín dụng

Credit risk

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà đối tác sẽ không thực hiện các nghĩa vụ của mình theo quy định của một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình bao gồm cả tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Credit risk is the risk that a counterparty will not meet its obligations under a financial instrument or customer contract, leading to a financial loss. The Company is exposed to credit risk from its operating activities (primarily trade receivables) and from its financing activities, including deposits with banks and other financial instruments.

Phải thu khách hàng

Receivable

Việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng của Công ty dựa trên các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Các khoản phải thu khách hàng chưa trả thường xuyên được theo dõi. Các phân tích về khả năng lập dự phòng được thực hiện tại ngày lập báo cáo trên cơ sở từng khách hàng đối với các khách hàng lớn. Trên cơ sở này, Công ty không có rủi ro tập trung về tín dụng.

The Company's customer credit risk management is based on the Company's policies, procedures and controls relating to customer credit risk management.

Outstanding customer receivables are monitored on an ongoing basis. Provisions for doubtful debts are made at the reporting date on a customer-by-customer basis for major customers. On this basis, the Company does not have any concentration of credit risk.

Tiền gửi ngân hàng

Bank deposit

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

The majority of the Company's bank deposits are held with reputable large banks in Vietnam. The Company considers that the concentration of credit risk from bank deposits is low.

5. Rủi ro thanh khoản

Liquidity risk

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ tài chính do tình trạng thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty phát sinh chủ yếu do không tương xứng trong các kỳ hạn của tài sản tài chính và các khoản phải trả tài chính.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản bằng việc duy trì tỷ lệ tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để hỗ trợ tài chính cho các hoạt động kinh doanh của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những thay đổi các luồng tiền.

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là không có. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

Liquidity risk is the risk that the Company will have difficulty meeting its financial obligations due to lack of funds. The Company's liquidity risk arises primarily from mismatches in the maturities of its financial assets and financial liabilities.

The Company monitors liquidity risk by maintaining cash and cash equivalents at a level deemed adequate by management to finance the Company's operations and to mitigate the effects of changes in cash flows.

The Company believes that there is no concentration of risk with respect to debt servicing. The Company is able to meet its debts as they fall due from cash flows from operations and proceeds from maturing financial assets.

CÔNG TY CỔ PHẦN PGT HOLDINGS/ PGT HOLDINGS JOINT STOCK COMPANY
BÁO CÁO TÀI CHÍNH/ FINANCIAL STATEMENTS

Cho giai đoạn ba tháng từ 01/01/2026 và kết thúc ngày 31/03/2026/ For the three months from 01/01/2026 to 31/03/2026

6. Rủi ro thị trường/ Market risk

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: Rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Market risk is the risk that the fair value or future cash flows of a financial instrument will fluctuate because of changes in market prices. Market risk includes three types: foreign currency risk, interest rate risk and other price risk.

7. Rủi ro ngoại tệ
Foreign exchange risk

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty quản lý rủi ro ngoại tệ bằng cách xem xét thị trường hiện hành và dự kiến khi Công ty lập kế hoạch cho các giao dịch trong tương lai bằng ngoại tệ. Công ty giám sát các rủi ro đối với các tài sản và nợ phải trả tài chính bằng ngoại tệ.

Foreign currency risk is the risk that the fair value or future cash flows of a financial instrument will fluctuate because of changes in foreign exchange rates.

The Company manages its foreign currency risk by considering current and expected market conditions when planning for future transactions in foreign currencies. The Company monitors exposures to financial assets and liabilities denominated in foreign currencies.

8. Rủi ro lãi suất
Interest rate risk

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do thay đổi lãi suất thị trường. Rủi ro về thay đổi lãi suất thị trường của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách theo dõi chặt chẽ tình hình thị trường có liên quan để xác định chính sách lãi suất hợp lý có lợi cho các mục đích quản lý giới hạn rủi ro của Công ty.


Interest rate risk is the risk that the fair value or future cash flows of a financial instrument will fluctuate due to changes in market interest rates. The Company's exposure to market interest rate risk is primarily related to short-term deposits and loans.

The Company manages interest rate risk by closely monitoring relevant market conditions to determine an appropriate interest rate policy that is beneficial to the Company's risk management purposes.

9. Rủi ro về giá khác/Other price risks

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

Other price risk is the risk that the fair value or future cash flows of a financial instrument will fluctuate because of changes in market prices other than changes in interest rates and foreign exchange rates.

 **Người lập biểu / Kế toán trưởng**
Preparer / Chief Accountant



Nguyễn Thị Thanh Chi
Ngày 29 tháng 04 năm 2026 / April 29th 2026

Tổng Giám đốc
General Director



Kakazu Shogo